

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03a/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 3 - 2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Quang Chinh**

2. Ông **Y Mung Niê**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ. Có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Xuân K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Buôn E, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Ch trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Hoàng Xuân K chung sống với nhau vào năm 1989 tại thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh Th không có đăng ký kết hôn, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sáu đó đến năm 1999 thì vào

tỉnh Đ làm ăn sinh sống và sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Ch và ông K không hợp nhau trong cuộc sống, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va chạm cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà Ch đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận bà và ông Hoàng Xuân K là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K có 03 con chung là Hoàng Minh L sinh năm 1989, Hoàng Minh T, sinh năm 1990, Hoàng Thị Hồng Ph, sinh năm 1994, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên bà Ch không có yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Lê Thị Ch không yêu cầu giải quyết

- *Bị đơn ông Hoàng Xuân K trình bày*:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Hoàng Xuân K xác nhận lời trình bày của bà Lê Thị Ch về thời điểm chung sống, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như bà Lê Thị Ch trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Ông K và bà Ch sống chung với nhau như vợ chồng tại thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh Th mà không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến năm 1999 thì vào tỉnh Đ để sinh sống làm ăn, đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bà Ch vào tỉnh Đ để sinh sống làm ăn với con cái cho đến nay. Nguyên nhân do hai người không hợp nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục. Từ năm 2005 đến nay vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay bà Lê Thị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận ông Hoàng Xuân K và bà Lê Thị Ch là vợ chồng thì ông K cũng đồng ý.

2. *Về con chung*: Ông Hoàng Xuân K xác định có 03 con chung như bà Ch trình bày là đúng. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên ông K không yêu cầu giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Hoàng Xuân K và bà Lê Thị Ch tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn có mặt.

Về đường lối giải quyết: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Các con chung đều đã đủ 18 tuổi các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Bà Lê Thị Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ là chồng giữa bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K, bị đơn ông Hoàng Xuân K cư trú tại Buôn E, xã Ch, huyện K nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Từ kết quả xác minh và giấy xác nhận của chính quyền địa phương thì trên thực tế, bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương tại thôn M, xã Th, huyện Th, tỉnh Th mà không đăng ký kết hôn, đến năm 1999 thì vợ chồng cùng con cái vào tỉnh Đắk Lắk làm ăn sinh sống, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Việc bà Ch và ông K không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét đơn khởi kiện của bà Ch yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Hoàng Xuân K là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3]. *Về con chung:* Bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K có 03 con chung là Hoàng Minh L sinh năm 1989, Hoàng Minh T, sinh năm 1990, Hoàng Thị Hồng Ph, sinh năm 1994, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên bà Ch, ông K không yêu cầu giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Ông Hoàng Xuân K và bà Lê Thị Ch tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí :* Bà Lê Thị Ch phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ch. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K có 03 con chung là Hoàng Minh L sinh năm 1989, Hoàng Minh T, sinh năm 1990, Hoàng Thị Hồng Ph, sinh năm 1994, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, bà Ch, ông K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ch và ông Hoàng Xuân K tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011846 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Văn Chinh